



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 1256/GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579 ngày 7 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 23 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 7 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2017 đến ngày 31/5/2017)
Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch (đến ngày 21/4/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Thành viên (đến ngày 31/5/2017)
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc (từ ngày 31/5/2017)
Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/5/2017)
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 5/6/2017)

**Trụ sở đăng ký**  
152 Thụy Khuê  
Quận Tây Hồ, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
  
Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong các năm trước Công ty và một số cá nhân đã thỏa thuận hợp tác và góp vốn để thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án “Xây dựng Trung tâm giao dịch điện tử và phần mềm Hà Nội – Hanesco và khu nhà thấp tầng cho thuê” tại địa chỉ của Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Theo thỏa thuận này, Công ty và các cá nhân có quyền đầu tư, khai thác từng phần đất nhất định trong lô đất tại địa chỉ nói trên. Các cá nhân đã hoàn thành việc đóng góp trong các năm trước và Công ty cũng đã sử dụng số tiền đóng góp này để hoàn thành việc đền bù, giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án. Do đó, Công ty đã ghi nhận giá trị xây dựng tòa nhà Hanesco bao gồm cả phần tài sản hình thành từ vốn góp của các cá nhân là tài sản cố định hữu hình và trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại, đồng thời ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời gian tương ứng. Trong năm 2016, Công ty nhận được Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cho phép Công ty sử dụng diện tích đất tại khu nhà thấp tầng số 152 Thụy Khuê để thực hiện dự án nhà ở thấp tầng để bán. Trên cơ sở Quyết định này, Công ty đánh giá lại giao dịch hợp tác góp vốn với các cá nhân và cho rằng đây là giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản, và do đó Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của giao dịch này tương ứng là số vốn góp nhận trước còn lại của các cá nhân và giá trị còn lại của khu nhà ở trong tài sản cố định hữu hình tương ứng với phần chuyển nhượng.

Tuy nhiên, Công ty và các cá nhân trên chưa ký kết một thỏa thuận nào từ năm 2016 về việc sửa đổi nội dung hợp tác trước đây hay chuyển nhượng quyền sở hữu khu nhà ở. Do đó, theo ý kiến của chúng tôi, việc Công ty ghi nhận giao dịch chuyển nhượng dự án đầu tư và quyền sở hữu bất động sản trong năm 2016 là chưa đủ cơ sở. Nếu Công ty tiếp tục ghi nhận toàn bộ giá trị tòa nhà là tài sản cố định và trích khấu hao, và ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và phân bổ, một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất sẽ thay đổi như sau:

- Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 22.101.384.047 VND và 7.549.492.681 VND (1/1/2017: 22.101.384.047 VND và 6.336.840.693 VND);
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.284.277.649 VND và 14.662.666.944 VND (1/1/2017: giảm lần lượt 1.284.277.649 VND và 15.946.944.594 VND);
- Doanh thu và giá vốn hàng bán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng lần lượt 1.284.277.649 VND và 1.212.651.988 VND (2016: giảm lần lượt 17.231.222.243 VND và 15.764.543.354 VND);
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng 14.325.132 VND (2016: giảm 293.335.778 VND); thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 279.010.645 VND (1/1/2017: giảm 293.335.778 VND)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng 57.300.529 VND (2016: 1.173.343.111 VND) giảm và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm 1.116.042.582 VND (1/1/2017: giảm 1.173.343.111 VND).



### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-017-KT/HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0306-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2018

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2040-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>586.822.987.966</b>	<b>492.565.901.841</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>115.385.536.635</b>	<b>128.229.446.949</b>
Tiền	111		50.485.536.635	28.229.446.949
Các khoản tương đương tiền	112		64.900.000.000	100.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>616.269.872</b>	<b>212.100.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	616.269.872	212.100.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>336.484.102.325</b>	<b>238.876.022.441</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	163.659.811.690	94.889.023.106
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.802.087.994	10.256.549.416
Phải thu theo tiến độ hợp đồng dịch vụ	134	7	121.704.251.435	98.128.194.087
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	33.489.250.224	35.312.868.034
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.171.299.018)	(1.710.612.202)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>61.062.814.983</b>	<b>52.444.071.708</b>
Hàng tồn kho	141		61.529.205.114	52.925.137.319
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(466.390.131)	(481.065.611)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>73.274.264.151</b>	<b>72.804.260.743</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		193.692.817	219.379.334
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.080.571.334	584.881.409
Tài sản ngắn hạn khác	155	11	72.000.000.000	72.000.000.000

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>271.477.089.439</b>	<b>36.762.454.978</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>401.837.000</b>	<b>300.304.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		401.837.000	300.304.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.029.384.987</b>	<b>16.211.692.764</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.975.333.279	13.475.994.894
Nguyên giá	222		44.032.749.436	43.706.049.436
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.057.416.157)	(30.230.054.542)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.054.051.708	2.735.697.870
Nguyên giá	228		7.500.392.093	7.500.392.093
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.446.340.385)	(4.764.694.223)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>237.505.038.111</b>	-
Nguyên giá	231		237.505.038.111	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>344.327.273</b>	<b>321.300.000</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		344.327.273	321.300.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>18.547.338.408</b>	<b>18.817.989.774</b>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		15.481.757.993	15.752.409.359
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.198.464.529)	(4.198.464.529)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>649.163.660</b>	<b>1.111.168.440</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		649.163.660	678.019.593
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	-	433.148.847
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>858.300.077.405</b>	<b>529.328.356.819</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>526.707.267.642</b>	<b>199.585.223.162</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>522.610.577.368</b>	<b>197.121.497.213</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	83.866.346.925	45.982.263.081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.737.715.977	60.791.379.518
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	5.578.106.284	5.948.750.479
Phải trả người lao động	314		6.411.249.900	5.268.981.353
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	469.051.818	1.178.739.400
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	262.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	256.073.345.039	77.643.325.382
Vay ngắn hạn	320	21	126.211.903.425	45.200.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.096.690.274</b>	<b>2.463.725.949</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	900.332.622	838.492.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	149.455.892	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	3.046.901.760	1.625.233.949
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>331.592.809.763</b>	<b>329.743.133.657</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>331.592.809.763</b>	<b>329.743.133.657</b>
Vốn cổ phần	411	24	225.590.300.000	225.590.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(60.144.990.832)	(60.144.990.832)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.556.889.715	8.707.213.609
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		8.707.213.609	2.970.426.397
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		1.849.676.106	5.736.787.212
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(275.850.104)	(275.850.104)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>858.300.077.405</b>	<b>529.328.356.819</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:

*Nguyễn Hải Yên*

Nguyễn Hải Yên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

*Nguyễn Trần Hiền*

Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

*Võ Văn Mai*



Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>589.523.890.077</b>	<b>415.857.634.310</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>518.039.065.985</b>	<b>350.981.559.147</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>71.484.824.092</b>	<b>64.876.075.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	2.850.849.243	7.082.379.214
Chi phí tài chính	22	30	2.128.485.527	3.336.630.228
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.081.082.327</i>	<i>1.185.703.305</i>
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.151.682.941	(784.605.354)
Chi phí bán hàng	25	31	39.984.938.620	31.281.518.876
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	32.308.665.720	31.165.741.819
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.065.266.409</b>	<b>5.389.958.100</b>
Thu nhập khác	31	33	2.708.863.098	2.758.231.734
Chi phí khác	32		7.530.393	543.554.127
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.701.332.705</b>	<b>2.214.677.607</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>3.766.599.114</b>	<b>7.604.635.707</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>35</b>	<b>1.334.318.269</b>	<b>1.529.494.490</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>35</b>	<b>582.604.739</b>	<b>341.294.008</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.849.676.106</b>	<b>5.733.847.209</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ			1.849.676.106	5.736.787.212
Cổ đông không kiểm soát			-	(2.940.003)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		36	95	272

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Nguyễn Hải Yến  
Kê toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền  
Kê toán trưởng

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
HIPT  
Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>3.766.599.114</b>	<b>7.604.635.707</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.509.007.777	4.133.709.437
Các khoản dự phòng	03		1.416.287.227	1.431.284.813
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(785.454.873)	476.617.264
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.461.055.653)	(4.902.043.221)
Chi phí lãi vay	06		2.081.082.327	1.185.703.305
(Lãi)/lỗ thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	07		(1.151.682.941)	784.605.354
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.374.782.978</b>	<b>10.714.512.659</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(99.443.655.472)	27.679.163.170
Biến động hàng tồn kho	10		(8.627.095.068)	21.909.669.229
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		199.751.733.993	(5.589.726.216)
Biến động chi phí trả trước	12		28.855.933	364.544.920
			<b>98.084.622.364</b>	<b>55.078.163.762</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.081.082.327)	(2.396.262.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.637.140.098)	(7.197.532.807)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>94.366.399.939</b>	<b>45.484.368.622</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(237.831.738.111)	(480.718.468)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(404.169.872)	(2.162.100.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.000.000.000	16.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.883.389.960	5.907.149.743
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(233.352.518.023)</b>	<b>19.764.331.275</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(41.134.234.240)
Tiền thu từ đi vay	33		241.301.903.298	86.974.077.111
Tiền trả nợ gốc vay	34		(115.135.199.873)	(100.508.483.711)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(26.519.400)	(12.963.013.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>126.140.184.025</b>	<b>(67.631.654.440)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.845.934.059)</b>	<b>(2.382.954.543)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>128.229.446.949</b>	<b>130.655.775.546</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>2.023.745</b>	<b>(43.374.054)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>115.385.536.635</b>	<b>128.229.446.949</b>

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yến  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng



Võ Văn Mai  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

# Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và liên doanh.

#### (b) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
<b>Công ty con</b>			
<b>Công ty con cấp 1</b>			
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Hà Nội, Việt Nam TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”) (*)	Hà Nội, Việt Nam	-	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<b>Công ty con cấp 2</b>			
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”) (**)	Hà Nội, Việt Nam	55%	55%
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
<b>Công ty liên doanh</b>			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn, một công ty con của Công ty, đã hoàn tất thủ tục giải thể.

(\*\*) Công ty Hi-Power Tech là công ty con của Công ty HIPT Invest.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

**(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 203 nhân viên (1/1/2017: 236 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 6 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(j) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang**

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### ***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

#### **(n) *Vốn cổ phần***

##### **(i) *Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) *Thặng dư vốn cổ phần***

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

#### **(o) *Thuế***

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	354.031.702	404.658.518
Tiền gửi ngân hàng	50.131.504.933	27.824.788.431
Các khoản tương đương tiền	64.900.000.000	100.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	115.385.536.635	128.229.446.949

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,9% đến 6,9%/năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc và giá trị hợp lý	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	616.269.872	212.100.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,9% đến 6,9%/năm.

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên doanh, liên kết	15.481.757.993	15.752.409.359
▪ các đơn vị khác	7.264.044.944	7.264.044.944
	22.745.802.937	23.016.454.303
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(4.198.464.529)	(4.198.464.529)
	18.547.338.408	18.817.989.774

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong kỳ như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	15.752.409.359	17.542.121.235
Lãi(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	1.151.682.941	(784.605.354)
Cổ tức được chia	(1.422.334.307)	(1.005.106.522)
	15.481.757.993	15.752.409.359



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	6.764.044.944
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	500.000.000	500.000.000
	7.264.044.944	7.264.044.944

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## **6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	32.430.837.340	6.318.400.000
Trung tâm Công nghệ thông tin Kiểm toán Nhà nước	30.037.449.080	-
Công ty Truyền tải điện 3	21.027.440.000	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	13.324.802.806	-
Nina International	6.363.409.696	26.655.617.980
Các khách hàng khác	60.475.872.768	61.915.005.126
	163.659.811.690	94.889.023.106

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu theo tiến độ hợp đồng dịch vụ**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	98.128.194.087	75.219.108.693
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	97.205.304.542	36.016.300.803
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	195.333.498.629	111.235.409.496
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(73.629.247.194)	(13.107.215.409)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	121.704.251.435	98.128.194.087

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2017</b> <b>VND</b>
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	3.438.015.298	3.597.233.236
Tạm ứng cho nhân viên (*)	25.445.690.599	31.094.497.044
Ký cược, ký quỹ	54.692.790	115.514.000
Phải thu khác	4.550.851.537	505.623.754
	33.489.250.224	35.312.868.034

(\*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Tập đoàn và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 7.869 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2017: 13.288 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2017				Số ngày quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Nợ quá hạn									
Công ty Cổ phần									
Đội công nghệ 3D									
Hà Nội	Trên 3 năm	663.440.565	(663.440.565)	-	Trên 3 năm	663.440.565	(663.440.565)	-	
Khác	Trên 3 năm	507.858.453	(507.858.453)	-	Trên 3 năm	1.065.272.126	(1.047.171.637)	18.100.489	
		<u>1.171.299.018</u>	<u>(1.171.299.018)</u>	-		<u>1.728.712.691</u>	<u>(1.710.612.202)</u>	<u>18.100.489</u>	
<i>Trong đó:</i>									
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(1.171.299.018)</u>				<u>(1.710.612.202)</u>		

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.379.026.620	-	10.696.076.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.948.500.670	-	17.178.517.450	-
Hàng hóa	15.128.334.020	(466.390.131)	24.663.579.261	(481.065.611)
Hàng gửi đi bán	73.343.804	-	386.964.328	-
	61.529.205.114	(466.390.131)	52.925.137.319	(481.065.611)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 611 triệu VND hàng hóa (1/1/2017: 632 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ VND nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 20(a)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	18.748.120.749	4.281.532.813	1.068.413.025	19.607.982.849	43.706.049.436
Tăng trong năm	-	-	-	326.700.000	326.700.000
Số dư cuối năm	18.748.120.749	4.281.532.813	1.068.413.025	19.934.682.849	44.032.749.436
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.040.153.406	4.216.156.471	396.142.570	18.577.602.095	30.230.054.542
Khấu hao trong năm	833.373.168	53.333.334	106.033.864	834.621.249	1.827.361.615
Số dư cuối năm	7.873.526.574	4.269.489.805	502.176.434	19.412.223.344	32.057.416.157
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	11.707.967.343	65.376.342	672.270.455	1.030.380.754	13.475.994.894
Số dư cuối năm	10.874.594.175	12.043.008	566.236.591	522.459.505	11.975.333.279

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 18.312 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 14.760 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Thương hiệu VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu và cuối năm	3.926.442.619	588.000.000	2.985.949.474	7.500.392.093
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.884.692.461	544.982.408	2.335.019.354	4.764.694.223
Khấu hao trong năm	157.057.705	-	524.588.457	681.646.162
Số dư cuối năm	2.041.750.166	544.982.408	2.859.607.811	5.446.340.385
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	2.041.750.158	43.017.592	650.930.120	2.735.697.870
Số dư cuối năm	1.884.692.453	43.017.592	126.341.663	2.054.051.708

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 385 triệu VND).

**14. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	237.505.038.111
Số dư cuối kỳ	237.505.038.111

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá của Công ty là Quyền sử dụng đất của diện tích đất tại cùng địa chỉ với Công ty là số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận****(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	-	433.148.847
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tỷ giá	20%	149.455.892	-

**(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của các công ty trong Tập đoàn:

	<b>31/12/2017</b>		<b>1/1/2017</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
HIPT Invest	239.371.629	47.874.326	2.898.464.092	579.692.818
New Horizons JSC	-	-	3.125.286	625.057
HIPT School	10.317.622	2.063.524	70.545.465	14.109.093
HISN Ltd.	91.958.361	18.391.672	1.653.349.483	330.669.897
HIBF Ltd.	4.739.840.505	947.968.101	2.550.919.245	510.183.849
HISG Ltd.	-	-	4.785.735.837	957.147.167
Hi-Power Tech	32.930.016	6.586.003	2.302.864.451	460.572.890
	<b>5.114.418.133</b>	<b>1.022.883.626</b>	<b>14.265.003.859</b>	<b>2.853.000.771</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
2017	Chưa quyết toán	-	10.348.388.792
2018	Chưa quyết toán	5.231.730	34.756.802
2019	Chưa quyết toán	199.287.835	199.287.835
2020	Chưa quyết toán	54.804.168	1.012.293.525
2021	Chưa quyết toán	2.664.621.350	2.670.276.905
2022	Chưa quyết toán	2.190.473.050	-
		<b>5.114.418.133</b>	<b>14.265.003.859</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty nêu trên có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vizrt (Thailand), Ltd.	27.486.615.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Savis Việt Nam	10.186.993.080	-
Dell Global B.V. (Singapore Branch)	-	10.696.076.280
Các nhà cung cấp khác	46.192.738.845	35.286.186.801
	<b>83.866.346.925</b>	<b>45.982.263.081</b>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Tập đoàn có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

**(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Các nhà cung cấp khác	197.661.976	197.661.976
	<b>292.661.976</b>	<b>292.661.976</b>

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty có đủ khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.231.546.337	68.282.181.984	(68.316.856.234)	4.196.872.087
Thuế xuất nhập khẩu	1.666.627	258.398.333	(258.944.092)	1.120.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.515.526.309	1.334.318.269	(1.637.140.098)	1.212.704.480
Thuế thu nhập cá nhân	194.251.317	3.319.921.946	(3.352.524.303)	161.648.960
Các loại thuế khác	5.759.889	497.428.171	(497.428.171)	5.759.889
	5.948.750.479	73.692.248.703	(74.062.892.898)	5.578.106.284

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	213.734.545	1.178.739.400
Chi phí khác	255.317.273	-
	469.051.818	1.178.739.400

**19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm nhận trước	262.858.000	262.858.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng từ các cá nhân (*)	178.591.421.044	-
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh 11)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (**)	2.656.280.900	2.656.280.900
Phải trả cổ tức	275.140.575	301.659.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.550.502.520	2.685.384.507
	<hr/>	<hr/>
	256.073.345.039	77.643.325.382
	<hr/>	<hr/>

(\*) Phản ánh khoản tạm ứng trong năm 2017 Công ty nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc mua lại một phần quyền sử dụng đất của Công ty tại địa chỉ số 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

(\*\*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - Dự án cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

Khoản phải trả khác đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi yêu cầu.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	338.492.000	338.492.000
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	561.840.622	500.000.000
	<hr/>	<hr/>
	900.332.622	838.492.000
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay ngắn hạn**

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	45.200.000	241.301.903.298	(115.135.199.873)	126.211.903.425

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Đô	VND	7,3% - 8%	126.166.703.425	-
Khoản vay từ 1 công ty liên quan	VND	0%	45.200.000	45.200.000
			<u>126.211.903.425</u>	<u>45.200.000</u>

Tất các các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo.

**22. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu năm	1.625.233.949
Dự phòng lập trong năm	4.925.315.091
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.503.647.280)
	<u>3.046.901.760</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2016</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	15.915.695.597	(272.910.101)	378.088.789.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.736.787.212	(2.940.003)	5.733.847.209
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(41.134.234.240)	-	-	-	(41.134.234.240)
Cổ tức	-	-	-	-	(12.945.269.200)	-	(12.945.269.200)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2017</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	8.707.213.609	(275.850.104)	329.743.133.657
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.849.676.106	-	1.849.676.106
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	10.556.889.715	(275.850.104)	331.592.809.763

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.559.030	225.590.300.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(3.032.457)	(60.144.990.832)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	19.526.573	165.445.309.168

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.576	35.717.951	1.152	26.178.043
EUR	661	17.848.661	522.945	12.473.274.122
		<u>53.566.612</u>		<u>12.499.452.165</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	221.736.000
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2016	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch		1.310.284.298	761.676.218
			<b>22.759.407.641</b>	<b>22.210.799.561</b>

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	402.125.217.619	278.099.574.716
▪ Cung cấp dịch vụ	184.083.020.393	117.811.898.348
▪ Cho thuê và chuyển nhượng bất động sản	3.315.652.065	19.946.161.246
	<b>589.523.890.077</b>	<b>415.857.634.310</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	2017 VND	2016 VND
Hàng hoá đã bán	373.695.679.273	235.338.241.255
Dịch vụ đã cung ứng	144.354.802.375	98.663.509.403
Cho thuê và chuyển nhượng bất động sản	3.259.817	16.977.195.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.675.480)	2.613.147
	<b>518.039.065.985</b>	<b>350.981.559.147</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	1.461.055.653	4.902.043.221
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	604.338.717	1.376.916.799
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	785.454.873	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	803.419.194
	<hr/>	<hr/>
	2.850.849.243	7.082.379.214

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.081.082.327	1.185.703.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.795.042	882.425.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	476.617.264
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	786.290.297
Chi phí tài chính khác	4.608.158	5.594.176
	<hr/>	<hr/>
	2.128.485.527	3.336.630.228

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2017 VND</b>	<b>2016 VND</b>
Chi phí nhân viên	24.889.840.103	20.456.081.079
Chi phí dự phòng bảo hành	4.925.315.091	1.978.779.650
Chi phí bán hàng khác	10.169.783.426	8.846.658.147
	<hr/>	<hr/>
	39.984.938.620	31.281.518.876

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	17.360.251.057	17.814.974.005
Chi phí khấu hao	2.762.193.774	2.818.911.735
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	9.294.896	409.052.371
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.176.925.993	10.122.803.708
	32.308.665.720	31.165.741.819

**33. Thu nhập khác**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm giá từ nhà cung cấp	2.673.895.568	2.717.075.998
Các khoản khác	34.967.530	41.155.736
	2.708.863.098	2.758.231.734

**34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	518.615.645.863	350.517.379.692
Chi phí nhân viên	42.250.091.160	37.795.999.629
Chi phí khấu hao	2.509.007.777	4.133.709.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.165.765.140	6.083.635.823
Chi phí khác	12.792.160.385	14.898.095.261



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.334.318.269	1.272.308.140
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	257.186.350
	<hr/> 1.334.318.269	<hr/> 1.529.494.490
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	582.604.739	341.294.008
	<hr/> 1.916.923.008	<hr/> 1.870.788.498

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.766.599.114	7.604.635.707
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	753.319.823	1.520.927.141
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.122.733.431	701.419.511
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	(48.336.815)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	497.735.410	534.055.381
Thay đổi chênh lệch tạm thời khác không được ghi nhận	(2.935.096)	(9.250.959)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(405.593.745)	(1.133.548.926)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	257.186.350
	<hr/> 1.916.923.008	<hr/> 1.870.788.498

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016.

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.849.676.106 VND (2016: 5.736.787.212 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 19.526.573 cổ phiếu (2016: 21.125.236 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<i>Công ty Cổ phần Tín học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	1.422.334.307	1.005.106.522
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.158.473.719	14.299.077.160
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	2.872.202.812	3.594.500.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Hải Yên  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc